

Số: 83 /QĐ - UBND

Hoàng Cát, ngày 30 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG CÁT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai tài chính đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 29/7/2024 của HĐND xã Hoàng Cát khóa XXI kỳ họp thứ 8 về việc phê chuẩn quyết toán thu NSNN, chi NSDP năm 2023.

Theo đề nghị của Công chức Tài chính Kế toán xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023, cụ thể như sau:

ĐVT: đồng

I	Tổng thu NSNN	9.929.158.834
	<i>Trong đó :</i>	
1	Thu xã hưởng 100%:	143.567.600
2	Thu phí,lệ phí:	15.688.000
3	Thu điều tiết các loại thuế:	205.015.584
4	Thu chuyển nguồn:	5.256.177.650
5	Thu bổ sung từ NS cấp trên:	4.308.710.000
	<i>Trong đó:</i>	
5.1	Thu bổ sung cân đối ngân sách:	3.827.252 .000
5.2	Thu bổ sung mục tiêu:	481.458.000

II	Chi ngân sách địa phương:	9.929.158.734
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi thường xuyên:	4.267.698.873
2	Chi đầu tư xây dựng cơ bản:	5.040.756.950
3	Chi chuyển giao ngân sách:	5.000.000
4	Chi chuyển nguồn:	615.703.011

(Có các biểu mẫu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn phòng – Thống kê, Tài chính- KT, Thủ trưởng các ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- BTV Đảng ủy;
- MTTQ, các đoàn thể xã;
- Các thôn;
- Lưu VT; TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn An

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023*(Kèm theo Quyết định số : 83/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND xã Hoàng Cát)*

Nội dung	Thu NSX
A	4
Tổng thu	9.929.158.834
I. Các khoản thu 100%	142.155.600
- Phí, lệ Phí	10.588.000
- Thu từ quỹ đất công ích và Thu hoa lợi công sản khác	119.067.600
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	
- Thu phạt, tịch Thu khác theo quy định	12.500.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	222.115.584
1. Các khoản thu phân chia	77.496.953
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	43.749.811
- Lệ Phí môn bài Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5.100.000
- Lệ Phí trước bạ Nhà, đất	28.647.142
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	144.618.631
- Tiền cho thuê mặt đất mặt nước	11.301.835
- Thuế giá trị gia tăng	39.684.403
- Thuế Thu nhập cá nhân	81.632.393
- Các khoản Thu phân chia khác	12.000.000
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	
IV. Thu chuyển nguồn	5.256.177.650
V. Thu kết dư ngân sách năm trước	
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.308.710.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	3.827.252.000
- Bổ sung có mục tiêu	481.458.000

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023*(Kèm theo Quyết định số : 83/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND xã Hoàng Cát)*

Nội dung	Quyết toán		
	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4
Tổng chi	9.929.158.834	5.040.756.950	4.272.698.873
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	97.303.603		97.303.603
- Chi dân quân tự vệ	74.340.800		74.340.800
- Chi trật tự an toàn xã hội	22.962.803		22.962.803
2. Chi giáo dục	535.700.000	532.220.000	3.480.000
8. Chi bảo vệ môi trường	5.600.000		5.600.000
9. Chi các hoạt động kinh tế	2.097.442.000	2.063.332.000	34.110.000
- Giao thông	2.063.332.000	2.063.332.000	
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	34.110.000		34.110.000
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.366.565.220	2.445.204.950	3.921.360.270
Trong đó: Quỹ lương	1.126.337.104		1.126.337.104
10.1. Quản lý Nhà nước	5.845.497.487	2.345.204.950	3.500.292.537
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	203.377.733		203.377.733
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	47.300.000		47.300.000
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	38.900.000		38.900.000
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	14.050.000		14.050.000
10.6. Hội Cựu chiến binh	20.000.000		20.000.000
10.7. Hội Nông dân	44.100.000		44.100.000
10.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	153.340.000	100.000.000	53.340.000
11. Chi cho công tác xã hội	205.345.000		205.345.000
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và Trợ cấp khác	173.945.000		173.945.000
- Trợ cấp xã hội	2.400.000		2.400.000
- Khác	29.000.000		29.000.000
12. Chi khác	5.500.000		5.500.000
13. Dự phòng			
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	615.703.011		